**BÀI 3**

**CẤU TRÚC CỦA VĂN BẢN**

**NGHỊ LUẬN**

1. **Tri thức ngữ văn**

HS tìm hiểu và đọc sách giáo khoa Ngữ Văn 11 tập 1 (Kết nối tri thức) từ trang 75 đến trang 76

**PHẦN ĐỌC**

VĂN BẢN 1: CHIẾU CẦU HIỂN

- NGÔ THÌ NHẬM-

1. **Hình thành kiến thức mới**

**2.1. Tác giả**

Sách giáo khoa/ Tr 78

***2.2 Tác phẩm***

**III. Khám phá văn bản**

**\* CẤU TRÚC CỦA VĂN BẢN *CHIẾU CẦU HIỀN***

 ***(phần mở đầu + phần nội dung + phần kết).***

1. **Phần mở đầu: Luận đề *“Chiếu cầu hiền”***

 ***- Phần mở đầu luận đề đặt ra vấn đề: Mối quan hệ giữa người hiền và thiên tử***

- Tác giả so sánh người hiền:

Người hiền – ngôi sao sáng; thiên tử- sao Bắc Thần (tức Bắc Đẩu).

+ Từ quy luật tự nhiên: *“Sao sáng ắt chầu về ngôi Bắc Thần (ngôi vua)”*

→ Mối quan hệ giữa hiền tài với thiên tử.

+ Người hiền phải phụng sự cho đất nước, hết lòng giúp vua

+ Không làm như vậy là trái với đạo trời, trái với quy luật cuộc sống.

-> Dùng hình ảnh so sánh, lấy từ luận ngữ của Khổng Tử (người sáng lập Nho giáo) tạo nên tính chính danh cho ‘Chiếu cầu hiền’ vừa đánh trúng vào tâm lí của nho sĩ Bắc Hà, vừa mượn ý trời buộc kẻ sĩ phải hết mình vì giang sơn xã tắc.

*Phần luận đề tác giả cho thấy: Người hiền tài đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với sự phát triển của đất nước.* ***Việc hiền tài ra mặt giúp vua là việc vô cùng cần thiết hợp lẽ tự nhiên, hợp đạo trời, đúng đắn với mối quan hệ quy luật giữa hiền tài và thiên tử.***

1. **Phần nội dung *Chiếu cầu hiền***

(Phần nội dung: Gồm các luận điểm, luận cứ liên quan mật thiết chứng minh vấn đề mà luận đề đặt ra)

***- Luận điểm 1: Cách ứng xử của sĩ phu Bắc Hà chưa phù hợp với quy luật xử thế của người hiền.***

***- Dẫn chứng cụ thể:***

+ Mai danh ẩn tích bỏ phí tài năng "*Trốn tránh việc đời".*

+ Ra làm quan: sợ hãi, im lặng như bù nhìn “*không dám lên tiếng",*hoặc làm việc cầm chừng *“đánh mõ, giữ cửa”. (có nên thống nhất cách dịch và trích dẫn nguyên văn sgk)*

+ Một số đi tự tử *“ra biển vào sông*”.

→ Thái độ bất hợp tác, nhấn mạnh lối sống uổng phí tài năng >< Thái độ mong mỏi tha thiết của vua QT (“ ghé chiếu lắng nghe”. “ngày đêm mong mỏi”…)

- Hai câu hỏi:“*Hay trẫm ít đức không đáng để phò tá chăng?”.* *Hay đang thời đổ nát chưa thể ra phụng sự Vương hầu chăng?”*

-> Cách nói trí tuệ, tế nhị, thấu tình đạt lí đưa người nghe vào thế phải thay đổi cách ứng xử để ra phụng sự vương hầu

***- Luận điểm 2: Tính chất của thời đại và nhu cầu của đất nước ( Sự cần thiết trong việc xử thế đúng đắn của nguời hiền tài đối với thiên tử):***

Thẳng thắn tự nhận những bất cập của triều đại mới, khéo léo nêu lên những nhu cầu của đất nước:

+*Trời còn tối tăm*

*+Buổi đầu… đại định*

*+Triều chính còn nhiều khiếm khuyết.*

*+ Biên ải chưa yên*

*+ Dân còn mệt nhọc*

-> Gặp nhiều khó khăn -> Đòi hỏi sự trợ giúp của nhiều bậc hiền tài.

- Thực tế: Nhân tài không những có mà còn có nhiều. Vậy tại sao “*không có lấy một người tài danh nào ra phò giúp cho chính quyền buổi ban đầu của trẫm hay sao?”*

*+ Lí lẽ: “ Một cái cột không thể đỡ nổi căn nhà lớn… trị bình”*

=> Cách nói vừa chân thành, vừa khiêm nhường, tha thiết buộc nho sĩ Bắc Hà không thể không suy nghĩ đến việc ra giúp nước, giúp vua.

→ Cho thấy ***hình ảnh QT là vị vua yêu nước, thương dân, có lòng chiêu hiền đãi sĩ. Từ đó, người hiền tài cần sự thay đổi đúng đắn trong thái độ cũng như cách ứng xử cho phù hợp với mối quan hệ giữa hiền tài và thiên tử (nêu ở luận đề).***

1. **Phần kết *Chiếu cầu hiền***

*(Vua đưa ra đường lối cầu hiền → tạo điều kiện thuận lợi cho việc xử thế của người hiền để* ***đáp ứng quy luật mối quan hệ giữa hiền tài và thiên tử*** *như luận đề đã nêu)*

**- Con đường cầu hiền của vua Quang Trung**

*- Đối tượng cầu hiền* : quan viên lớn nhỏ, thứ dân trăm họ.

*- Đường lối cầu hiền:*

+ Cho phép mọi người có tài năng thuộc mọi tầng lớp trong xã hội được dâng sớ tâu bày kế sách

+ Cho phép các quan văn võ tiến cử người có nghề hay, nghiệp giỏi

+ Cho phép người tài tự tiến cử.

+ Kêu gọi người hiền tài cùng triều đình gánh vác việc nước để hưởng phúc lâu dài.

🡪 Tư tưởng dân chủ tiến bộ đ­ường lối cầu hiền: rộng mở, đúng đắn. Biện pháp cầu hiền: cụ thể, dễ thực hiện.

=> Chứng tỏ Quang Trung là người có tầm nhìn xa trông rộng cũng như khả năng tổ chức, sắp đặt chính sự, biết giải tỏa những băn khoăn có thể có cho mọi thần dân, khiến họ yên tâm tham gia việc nước.

**\* YẾU TỐ BỔ TRỢ TRONG VĂN BẢN NGHỊ LUẬN CHIẾU CẦU HIỀN**

***- Thuyết minh:***

+ Nỗi niềm được giải bày như một sự trải lòng của nhà vua khiến người nghe không khỏi nhói lòng nếu làm trái hoặc không nghe theo

***- Biểu cảm***: Bên cạnh những lời chỉ trích đanh thép vẫn có những câu hỏi tu từ đậm chất biểu cảm

“*Hay trẫm ít đức không đáng để phò tá chăng?”.* *Hay đang thời đổ nát chưa thể ra phụng sự Vương hầu chăng?”*

1. **Tổng kết**

**1. Nghệ thuật**

- Cách nói sùng cô.

- Lời văn ngắn gọn, súc tích ; tư duy sáng rõ,lập luận chặt chẽ, khúc chiết kết hợp với tình cảm tha thiết, mãnh liệt đầy sức thuyết phục về lí và tình.

**2. Ý nghĩa văn bản**

Thể hiện tầm nhìn chiến lược của vua Quang Trung trong việc cầu hiền tài phục vụ sự nghiệp đất nước

1. **Luyện tập**
2. Em hãy dùng sơ đồ tư duy để hệ thống lại các luận điểm, luận cứ của văn bản *Chiếu cầu hiền* của Ngô Thì Nhậm.

**VĂN BẢN 2: TÔI CÓ MỘT ƯỚC MƠ**

(Trích Bước đến tự do, Câu chuyện Mon-ga-mơ-ri – Montgomery)

Mác-tin Lu-thơ Kinh

1. **Tri thức Ngữ Văn** (nhắc lại kiến thức)
2. **Hình thành kiến thức mới**

**2.1. Tác giả**

Sách giáo khoa/ Tr 84

***2.2 Tác phẩm***

**III. Khám phá văn bản**

1. **Luận đề và luận điểm**

**- Luận đề:** Tôi có một ước mơ thể hiện khao khát của có được sự tự do, bình đẳng giữa người da đen và người da trắng.

**- Luận điểm:**

***Luận điểm 1: Lý do cho sự hiện diện bài diễn văn***

***Luận điểm 2: Quan điểm của tác giả về thực trạng tự do và bình đẳng của người da màu***

- Người da đen đã được ký cam kết tự do: Người Mỹ ký văn kiện Tuyên ngôn giải phóng nô lệ. => Đó là ngọn đuốc hy vọng cho người da đen thoát khỏi bất công.

- Tuy nhiên, cuộc sống của người da đen còn rất nhiều bất công: Xiết chặt trong gông cùm của sự cách li và óc kì thị.=> Cần phải kết thúc ngay.

***Luận điểm 3: Khẳng định quan điểm đấu tranh của tác giả***

- Ngọn lửa đấu tranh của những người da đen sẽ không bao giờ tắt.

- Những lưu ý trong cuộc đấu tranh:

+ Không được để cho cuộc phản kháng đầy sáng tạo sa vào bạo loạn.

+ Tinh thần chiến đấu quật cường vừa trào sôi trong cộng đồng người da đen không được đẩy đến chỗ ngờ vực tất cả người da trắng.

=> Cuộc đấu tranh giành quyền tự do là quyền và nghĩa vụ của tất cả những người da đen và mỗi người cần phải đứng lên giành địa vị xứng đáng của mình không được phép sai lầm.

***Luận điểm 4: Giấc mơ của người da đen ở nước Mỹ: Khát khao tự do, mong muốn bình đẳng của tác giả***

- Giấc mơ bắt nguồn sâu thẳm từ trong giấc mơ của nước Mỹ.

- Niềm tin rằng nước Mỹ luôn tạo cơ hội bình đẳng cho tất cả mọi người bất kể xuất thân, hoàn cảnh hay địa vị xã hội.

=> Chỉ khi người da đen được đối xử bình đẳng thì cuộc đấu tranh mới dừng lại.

***Luận diểm 5: Tiếng hát trong niềm vui chiến thắng***

1. **Yếu tố bổ trợ trong văn bản**

***- Biểu cảm:***

 *+ “ Tôi rất vui…”*

*+ “ Đừng để chiến đấu kì diệu … liên quan đến tự do của chúng ta”*

*+ “ Không…”*

*+” Tôi mơ rằng…”*

+ …

***- Miêu tả:***

+ *“ Hãy để tự do vang lên từ những ngọn đồi uy nghi… trên những sườn dốc mượt mà của California”*

*…...*

*-* ***Tự sự:*** *“ Cách đây một thế kỉ… tình trạng đáng xấu hổ này”.*

**IV . Tổng kết**

**a. Nội dung:**

Văn bản viết ra nhằm mục đích khẳng định quyền bình đẳng của người da đen.

 Đây là lời kêu gọi sự đấu tranh giành quyền bình đẳng cho người da đen.

**b. Nghệ thuật:**

- Sử dụng những hình ảnh, câu văn có sức truyền cảm tái hiện hiện thực của người da đen đầy đau khổ, tuyệt vọng. Qua đó, tác giả khao khát đẩy lùi hiện thực tăm tối đày đọa người da đen

- Sử dụng BPTT điệp cấu trúc “ Tôi mơ rằng…”+ những tưởng tượng của tác giả về một thế giới tự do và bình đẳng nhằm tiếp thêm động lực đấu tranh cho người nghe về tương lai tươi sáng.

**VĂN BẢN 3**

 **MỘT THỜI ĐẠI TRONG THI CA**

(Trích Thi nhân Việt Nam)

Hoài Thanh

1. **Tri thức Ngữ Văn** (nhắc lại kiến thức)
2. **Hình thành kiến thức mới**

**2.1. Tác giả**

Sách giáo khoa/ Tr 88

***2.2 Tác phẩm***

**III. Khám phá văn bản**

*- HS đọc văn bản*

***-*** *HS tiếp cận văn bản để nắm được cấu trúc bài nghị luận theo định hướng sau:*

*- Vấn đề đoạn trích: Tinh thần thơ mới. Đây là nội dung bản chất, cốt lõi, chi phối toàn bộ thơ mới.*

*- Tác giả triển khai vấn đề bằng ba luận điểm:*

*+ Quan điểm của tác giả trong việc xác định tinh thần thơ mới.*

*+ Tinh thần thơ mới là ở chữ tôi.*

*+ Cách giải quyết bi kịch cái tôi thơ mới.*

1. **Quan điểm của tác giả trong việc xác định tinh thần Thơ mới.**

***Khó khăn*:** Thơ mới và thơ cũ không có sự phân biệt rạch ròi dễ nhận ra. Trong Thơ mới, Thơ cũ đều có những bài hay, bài dở, bài hay ít, bài dở nhiều. Đó là khó khăn phức tạp nhất.

***- Quan điểm của Hoài Thanh:***

+ Không căn cứ vào cục bộ và bài dở (Vì cái dở chẳng tiêu biểu cho cài gì hết).

+ Phải căn cứ vào đại thể (khái quát bản chất phổ biến nổi bật) và bài hay.

***- Lí do***: “Cái cũ và cái mới vẫn nối tiếp nhau thay đổi, thay thế nhau: Hôm nay

 phôi thai từ hôm qua, và trong cái mới vẫn còn rơi rớt ít nhiều cái cũ.”

- ***Nhận xét:*** Tác giả sử dụng phương pháp so sánh, đối chiếu. Nhưng không so sánh tỉ mỉ, vụn vặt, cá thể mà so sánh thời đại cùng thời đại và so sánh trên đại thể.

1. **Tinh thần Thơ mới**

**Hai luận cứ:**

+ Cái Ta trong thơ cũ và cái Tôi trong thơ mới.

+ Bi kịch của cái Tôi trong thơ mới.

1. ***Cái Ta trong thơ cũ và cái Tôi trong Thơ mới.***

**- Cái Ta- thơ cũ:**

+ Ý thức đoàn thể.

+ Tác giả không dám dùng chữ Tôi, không tự xưng, ẩn mình sau chữ Ta- chữ chỉ chung cho nhiều người.

**- Cái Tôi- thơ mới:**

+ Ý thức cá nhân.

+ *Xuất hiện trong thơ văn không biết từ lúc nào*: bỡ ngỡ, lạc loài (vì quá mới mẻ, thể hiện quan niệm chưa từng thấy ở xứ này: quan niệm cá nhân).

+ *Trong văn học trung đại*: Cái Tôi mờ nhạt, tương đối, chìm đắm trong cái chung như giọt nước chìm trong biển cả. Cũng có những trường hợp ngoại lệ, các nhà thơ đã vượt lên trên thời đại khẳng định của Tôi cá nhân: Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Tú Xương…

+ *Cái tôi với ý nghĩa cá nhân tuyệt đối* xuất hiện giữa thi đàn Việt Nam vào những năm 20 của thế kỉ XX (Tản Đà) thật bé nhỏ, tội nghiệp,

bơ vơ, rên rỉ, thảm hại… mất hết cốt cách hiên ngang ngày trước.

***- Nhận xét:*** Cách diễn đạt ngắn gọn, súc tích thể hiện sự tự tin trong khám phá

và kết luận khoa học. Biện pháp so sánh đối chiếu đã làm nổi bật cái ta trong thơ cũ và cái Tôi trong thơ mới, giúp người đọc có cái nhìn sâu sắc toàn diện hơn.

***b. Bi kịch của cái Tôi trong Thơ mới.***

\* Đoạn văn: *“Đời chúng ta nằm trong vòng chữ Tôi…cùng Huy Cận*”.

***- Cụ thể:***

**+ Cái chung:****chữ Tôi.**

*Nguyên nhân thực trạng*: Mất bề rộng => *Con đường vượt thoát*: Tìm bề sâu => *Kết quả*: Bế tắc, càng đi sâu càng thấy lạnh.

**+ Cái riêng**: Mỗi nhà thơ một khác nhau trên con đường vượt thoát, kết quả:

Thế Lữ lên tiên >< động tiên đã khép.

Lưu Trọng Lư: phiêu lưu trong trường tình >< tình yêu không bền.

Hàn Mặc Tử- Chế Lan Viên: điên cuồng >< tỉnh.

Xuân Diệu: say đắm >< vẫn bơ vơ.

Huy Cận: ngẩn ngơ buồn và sầu.

**=> Bi kich cái Tôi trong thơ mới:** đáng thương, tội nghiệp, bơ vơ, lạc lõng trước cuộc đời. Nỗi buồn lan toả khắp trời đất, gieo khổ đau trong hồn người thanh niên.

**- Nguyên nhân bi kịch:**

+ Do hoàn cảnh xã hội đương thời không cho người thanh niên nhiều khát vọng

 quyền sống đúng nghĩa.

+ Do bản thân cái Tôi khi tách ra khỏi cái Ta đã mất đi điểm tựa vững chắc, trở nên bơ vơ lạc lõng, thiếu tự tin…

**3. Cách giải quyết bi kịch**

**- Con đường:**

+Gửi cả vào tình yêu tiếng Việt- tiếng mẹ đẻ thân thương.

+Tìm về dĩ vãng.

- **Vì:** Tiếng Việt là tấm lụa hứng vong hồn bao thế hệ người Việt trong quá khứ và hiện tại. Lớp thanh niên dùng tiếng Việt để bày tỏ tình yêu quê hương đất nước. Tiếng Việt bất diệt cũng như dân tộc Việt Nam mãi mãi trường tồn.- *Nhận xét: Đó là con đường riêng của thơ mới, cũng có những tác dụng nhất định nhưng còn hạn chế trong hoàn cảnh đất nước còn nô lệ, phản ánh ý thức, tâm lí chủ quan của các nhà thơ mới. Tuy nhiên nó cũng rất đáng được lịch sử ghi nhận và trân trọng.*

*Hoài Thanh đã thể hiện tình cảm trân trọng thiết tha ấy qua hệ thống hình ảnh giàu cảm xúc: “gửi cả vào tiếng Việt, yêu vô cùng, chia sẻ buồn vui, dồn tình yêu, hứng vong hồn…”*

**III. Tổng kết**

**1. Đặc sắc nghệ thuật**

- Sự kết hợp hài hoà giữa tính khoa học và tính nghệ thuật:

+ Tính khoa học: Hệ thống luận điểm chuẩn xác, mới mẻ, sắp xếp mạch lạc.

 Dẫn chứng chọn lọc, lập luận chặt chẽ, thuyết phục. Sử dụng biện pháp so sánh đối chiếu ở cấp độ phù hợp, mang lại hiệu quả.

+ Tính nghệ thuật: lời văn thấm đẫm cảm xúc, giọng điệu thay đổi linh hoạt, cảm xúc người viết nồng nhiệt, gây truyền cảm, đồng cảm cao.

=>Một cách viết văn nghị luận văn chương dễ hiểu mà rất tài hoa, tinh tế, hấp dẫn.

**2. Nội dung**

Khẳng định sự thắng lợi của Thơ mới, ủng hộ mặt tích cực, lí giải bi kịch cái Tôi, cách giải quyết bi kịch.

- Cách nhìn nhận đúng đắn, khoa học vấn đề thơ mới, cái nhìn tiến bộ xuất phát từ chính tâm hồn người viết.

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA NGÔN NGỮ NÓI VÀ NGÔN NGỮ VIẾT (TT)**

**Tiết thực hành thứ 2 nên HS thảo luận nhóm hoàn thành các bài tập 1,2,3,4,5/ sgk trang 89/90.**

 VIẾT

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

(Con người với cuộc sống xung quanh)

1. **Phân tích ngữ liệu tham khảo**

**Bài viết tham khảo**

**LẮNG NGHE NHỮNG TIẾNG THÌ THẦM CỦA CUỘC SỐNG**

**- Vấn đề bàn luận:** *Lắng nghe những tiếng nói của những “ khoảng lặng” … những tiếng thì thầm trong cuộc sống.*

**- Luận điểm 1: Bàn về nghĩa của từ lắng nghe**

**+ Lí lẽ:**

* Lắng nghe trước hết thể hiện sự tập trung tiếp nhận âm thanh bên ngoài
* Lắng nghe có nghĩa là thấu hiểu và đồng cảm
* Biết lắng nghe là có khả năng chia sẻ những tâm tư, khát vọng của người khác…

**+ Bằng chứng:**

* Chỉ khi lắng nghe chúng ta mới nhận ra những tiếng thì thầm, khẽ khàng hay những âm thanh không lời

**- Luận điểm 2: Bàn về việc lắng nghe nỗi buồn vui của con người với những bằng chứng thực tế**

**+ Lí lẽ:**

* Khi lắng nghe tiếng nói từ cuộc sống hàng ngày của con người. Ta sẽ nhận thấy có những tiếng nói “ chỉ thì thầm” thôi mà ẩn chứa biết bao cung bậc tình cảm
* Biết lắng nghe ta sẽ biết xúc động, cùng vui cùng buồn với từng cảnh ngộ
* Lắng nghe tiếng thì thầm, ta thấy con người và cuộc sống đa dạng và phong phú biết nhường nào

**+ Bằng chứng**

* Đó là tâm sự một em bé.. Tết về… Ta vui mừng.. đến Ai Cập

**- Luận điểm 3: Bàn về việc lắng nghe tiếng nói của thiên nhiên qua trải nghiệm**

**+ Lí lẽ**

* Thiên nhiên quanh ta cũng có tiếng nói
* Mỗi người cần lắng lòng lại để suy nghĩ đối diện với mẹ thiên nhiên vĩ đại
* Những âm thanh ấy giúp con người giao hòa với thiên nhiên

+ Bằng chứng

* Ta sẽ nhận ra những tiếng thì thầm của lá rơi khẽ khàng trước ngõ, của giọt sương long lanh, …con người…

**- Luận điểm 4: Phản bác ý kiến trái chiều**

**+ Lí lẽ**

* Nhưng có phải vì sự “ bé mọn” của những tiếng thì thầm ấy mà ta có thể bỏ qua chúng, bởi cuộc sống này còn biết bao điều đang khiến ta quan tâm

**+ Bằng chứng**

* Nếu không biết lắng nghe tiếng nhỏ bé của cuộc sống thì cuộc đời này sẽ trở nên nhạt nhẽo chỉ toàn những âm thanh ồn ã, chát chúa
* Và sẽ chẳng còn những ánh mắt sẻ chia, những bàn tay đan kết, những cử chỉ dịu dàng gửi chút tấm lòng “ để gió cuốn đi”.
* Khi ấy…náo nhiệt này

**- Luận điểm 5: Bàn về ý nghĩa của việc lắng nghe**

**+ Lí lẽ**

* Lắng nghe để hiểu, để hành động và hướng tới những điều tốt đẹp: cảm nhận chân thực và biết trân quý hơn những giá trị sống quanh mình…
* Lắng nghe bằng cả tâm hồn, ta sẽ cảm nhận những trao đổi đầy ắp yêu thương
* Đó là sợi dây vô hình kết nối con người với nhau và con người với thế giới xung quanh

**+ Bằng chứng**

* Học cách lắng nghe từng tích tắc đồng hồ trên vách, ta sẽ hiểu thời gian đang thì thầm nhắc mình về tuổi trẻ đang qua, về những khát vọng còn dang dở, để ta biết sống có ý nghĩa hơn
1. **Thực hành viết**

***- Chuẩn bị trước khi viết***

***- Tìm ý và lập dàn ý:***

*Mở bài*: giới thiệu vấn đề trong cuộc sống cần bàn luận

*Thân bài:* +Dùng lí lẽ, bằng chứng trình bày bản chất vấn đề đời sống và nêu quan điểm của người viết.

+ Xem xét vấn đề dưới nhiều góc độ khác nhau, bàn về các khía cạnh của vấn đề

+ Bàn luận vấn đề từ góc nhìn trái chiều

+ Phân tích tác động của việc nhận thức đúng đắn về vấn đề đối với cá nhân hoặc cộng đồng

*Kết bài:* Rút ra ý nghĩa của việc bàn luận vấn đề

***- Viết bài***

***- Chỉnh sửa và hoàn thiện***

1. **Luyện tập – Vận dụng**

**Đề bài: Trình bày suy nghĩ của em về vấn đề biến đổi khí hậu ngày nay**

**NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ, BÌNH LUẬN**

**MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

1. **Chuẩn bị nói và nghe**

**\* Người nói**

1. Lựa chọn đề tài
2. Tìm ý và sắp xếp

**Phần trao đổi:**

***\* Người nói:***

+ Nắm bắt thắc mắc của người nghe và tiếp thu ý kiến của người nghe để điều chỉnh khi cần

+ Khẳng định lại những quan điểm của bản thân khi có cơ sở

***\* Người nghe:***

+ Chủ động nêu ý kiến thảo luận

+ Ý kiến cần hướng đến 2 khía cạnh: nội dung và cách thức trình bày của người nói

1. **Thực hành nói và nghe**

**-** HS trình bày bài nói và các HS khác lắng nghe, ghi chú.

+ HS dựa vào *Bảng đánh giá bài nói* (SGK/tr. 97) để tự đánh giá.

**- N**hận xét về phần trình bày của bạn, nêu những vấn đề cần giải đáp.